

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : L0172001 - Sức bền vật liệu

STC : 2(30,0,0,0,0,0)

Lần thi : 2

Lớp :

Năm học : 2013-2014

Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Trần Huy	Du	3710104001	09/09/1991		3,00	3,00	
2	Mai Tấn	Lãm	3710104002	22/06/1991		8,00	8,00	
3	Trần Minh	Khương	3710104003	22/09/1992		4,00	4,00	
4	Dương Đỗ Thành	Thịnh	3710104004	10/02/1991		1,00	1,00	
5	Dương Minh	Trí	3710104006	15/02/1992		3,00	3,00	
6	Lê Văn	Sen	3710104010	10/01/1992		3,00	3,00	
7	Huỳnh Thanh	Luân	3710104016	23/09/1990		,00	,00	
8	Nguyễn Hồng	Long	3710104018	20/06/1992		4,00	4,00	
9	Nguyễn Thành	Huân	3710104024	16/08/1991		4,00	4,00	
10	Nguyễn Thị	An	3710104033	07/09/1991		4,00	4,00	
11	Vô Văn	Ấn	3710104035	20/03/1991		4,00	4,00	
12	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	3710104036	10/09/1991		7,00	7,00	
13	Bùi Khắc	Hùng	3710104039	16/07/1991		1,00	1,00	
14	Nguyễn Viết	Tùng	3710104040	10/05/1991		3,00	3,00	
15	Ngô Đức	Huân	3710104041	28/03/1990		4,00	4,00	
16	Phan Tiến	Châu	3710104042	14/08/1990		2,00	2,00	
17	Lê Duy	Tài	3710104043	04/08/1991		3,00	3,00	
18	Nguyễn Văn	Thủy	3710104049	07/03/1991		2,00	2,00	
19	Trần Văn	Kiên	3710104050	05/10/1992		6,00	6,00	
20	Nguyễn Quốc	Trưởng	3710104051	10/10/1990		3,00	3,00	
21	Nguyễn Quốc	Đạt	3710104056	06/06/1992		5,00	5,00	
22	Hồ Sỹ	Chiến	3710104065	27/12/1985		8,00	8,00	
23	Phan Tấn	Hiệp	3710104068	14/01/1991		5,00	5,00	
24	Trần Bình	Tuy	3710104072	07/07/1976		5,00	5,00	
25	Lê Hữu	Nam	3710104073	12/06/1990		1,00	1,00	
26	Trần Văn	Va	3710104075	10/09/1991		7,00	7,00	
27	Hồ Xuân	Tường	3710104085	19/07/1989		4,00	4,00	
28	Trần Công	Phong	3710104086	17/12/1990		2,00	2,00	
29	Đỗ Hồng	Tú	3710104088	02/10/1986		6,00	6,00	
30	Nguyễn Văn	Thành	3710104091	27/01/1989		1,00	1,00	
31	Lý Văn	Phương	3710104092	14/04/1989		4,00	4,00	
32	Nguyễn Hữu	Lộc	3710104108	04/10/1992		5,00	5,00	
33	Nguyễn Ngọc	Hiếu	3710104111	25/07/1992		4,00	4,00	
34	Lê Quang	Thao	3710104113	10/01/1990		3,00	3,00	
35	Trương Văn	Danh	3710104116	20/10/1988		4,00	4,00	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Tô Kỳ	Mô	3710104119	12/12/1992		3,00	3,00	
37	Ngô Đình	Quân	3710104121	26/10/1992		,00	,00	
38	Huỳnh Công	Phước	3710104122	30/11/1990		3,00	3,00	
39	Trần Quang	Thái	3710104127	24/06/1990		6,00	6,00	
40	Nguyễn Thanh	Thuần	3710104128	02/09/1991		4,00	4,00	
41	Lê Xuân	Giáp	3710104133	04/07/1985		4,00	4,00	
42	Nguyễn Đức Minh	Tuấn	3710104134	07/06/1992		2,00	2,00	
43	Dương Ngọc	Sơn	3710104142	30/01/1991		4,00	4,00	
44	Nguyễn Tăng	Nhiệm	3710104143	12/04/1988		,00	,00	
45	Huỳnh Công	Hậu	3710104145	17/04/1989		2,00	2,00	
46	Nguyễn Phước	Hậu	3710104149	18/08/1987		3,00	3,00	
47	Nguyễn Thanh	Tài	3710104158	02/01/1992		4,00	4,00	
48	Nguyễn Thành	Long	3710104170	29/02/1988		1,00	1,00	
49	Bồ Xuân	Thành	3710104173	16/11/1989		,00	,00	
50	Nguyễn Tú	Tiến	3710104178	17/07/1988		4,00	4,00	

Tổng số : SV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 04 năm 2014

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)